

## HỌC ĐỂ GIÚP NƯỚC

### 1. Lập chí

Trong bài diễn thuyết ở trường Quốc-Học Huế ngày 17 tháng Ba năm 1927, chí sĩ Phan Bội Châu đã đề cập đến mục đích của những người đi học xưa và nay mà ông cho là sai lầm. Ông chê bai cái mục đích đi học thời xưa là để được danh lợi “cân đai áo mũ” hay là “ám áo no cơm”.

Nhà thơ và nhà giáo Đông-Hồ Lâm Tấn Phác diễn thuyết cho học sinh ở Khai-trí Tiên-đức Học-xá ở Hà-Tiên cho rằng người đi học thời Pháp chỉ chú trọng đến mảnh bằng. Có được mảnh bằng, xin được việc làm là hài lòng, không muốn tiến lên thêm nữa. Ông ví người đọc sách với con tằm: con tằm ăn lá dâu mà nhả ra sợi tơ, đem lại lợi ích cho đời, huống chi là người đi học, có hiểu biết.

“Người đọc sách phải như con tằm mà sự đọc sách cũng như sự nuôi tằm; con tằm khi ăn thì ăn lá dâu mà khi nhả lại nhả ra sợi tơ; con tằm cũng chẳng là con vật hay đó ru?” (*Lý-thú đọc sách*, Nam Phong Juillet 1932)

Học giả Phạm Quỳnh, một nhà Tây-học, cũng đã nhìn thấy những khuyết điểm trong mục đích học ở đầu thế kỷ thứ 20 như sau:

“Trừ một số ít người lỗi-lạc không kể, còn phần nhiều người đi học chữ tây là chỉ chủ có cái mục-đích cận-lợi ngay, - mục-đích này không phải đáng khinh, nhưng cũng không phải chỉ có thể mà thôi, - nghĩa là học chỉ để mong kiếm lời ngay, mong được làm công nợ việc kia cho thỏa cái lòng cầu-danh cầu-lợi ngay; cái mục-đích cận-thiết đó đã đạt tới rồi, thời không mấy người học rộng học cao hơn nữa, cho tới cái bậc không phải học để làm nghề kiếm ăn, mà học để luyện tinh-thần, mở trí-tuệ cho được cao-xa sáng-sủa thêm ra. Ngay trong hạng những người có tài học giỏi, cũng ít người là có cái chí học không vị-lợi, phần nhiều còn ham-mê về đường thi-cử, cốt chiếm lấy cái văn-bằng nợ văn-bằng kia, thành ra lại sa vào cái vết xe cũ của bọn đàn anh khi trước, là phái nhà nho cựu-học, chỉ mài-miệt về đường khoa-cử mà đến tai-hại như thế nào (...)” (*Văn-hóa Pháp đối với tiền-đồ nước Nam*, Nam Phong Février 1930)

Phạm Quỳnh đã nhắc nhở người đi học biết rằng họ là người may mắn có hoàn cảnh thuận lợi và trí khôn thông tuệ hơn người thường thì không nên quên quốc gia, xã hội. Ông bảo rằng:

“Đã đi núi phải đi cho đến nơi, đã trèo cao phải trèo cho tới ngọn. Đã đem thân theo về nghiệp học, phải gửi chí ở chỗ cao xa. Đã được cái hạnh phúc hơn đồng bào làm người thông cổ kim, biết nghĩa lý, phải để bụng đến quốc gia, đến xã hội, không thể chỉ khu khu trong vòng ám no một thân mình được.”

(*Học-phong và sĩ-khí*, Nam Phong Janvier 1924)

Ông khuyên người đi học cần phải hoài bão một lý tưởng cao thượng, không nên chỉ dùng sự học làm cái thang tiến đạt hoặc vào mưu sinh không thôi. Học càng cao thì mục đích lại càng phải cao xa hơn.

“Cổ-nhân có câu: “Độc thư cứu quốc”; câu ấy thực là cái biểu-hiệu của bọn ta vậy. Vì ta học để làm gì? Nếu cái mục-đích sự học chỉ là để sung-sướng lấy một thân ta, thì mục-đích ấy chẳng là thấp mà sự học ấy chẳng là hẹp lắm dư? Ta phải biết cái nghĩa-vụ, cái danh-dự của ta. Nghĩa-vụ ấy, danh-dự ấy, là học để giúp cho nước ta khỏi yếu-hèn mà được cường-mạnh, dân ta khỏi ngu-tối mà được sáng-suốt. Vẫn biết rằng có nhiều người cho cái tư-tưởng ấy là hoang-phiếm, quá cao mà không thiết-thực. Người nào nghĩ như thế là nhầm to. Phàm làm việc gì cũng phải có một mục-đích; mục-đích ấy là cái nêu, cái mốc cho công-phu mình, là nơi công-phu mình phải đạt tới mới được hoàn-toàn. Mục-đích ấy tất phải xa, phải cao hơn công việc làm, mình càng tiến lên thì mục-đích ấy lại càng phải cao, phải xa hơn mãi; vì sự sinh-hoạt là một sự tiến-bộ vô-hồi vô-hạn, hễ không tiến là thoái, cái nhẽ thiên-nhiên như thế. Trong các công việc của người đời còn việc gì cao hơn sự học nữa! Lấy một cái công việc tối cao như thế mà chỉ để dùng làm cái thang tiến-đạt cho mình, thì chẳng là mất giá-trị của sự học lắm dư?”

(*Nghĩa vụ là gì ?* Nam Phong Octobre 1917)

## 2. Kế thiện tinh-thần nho-học

Xã hội và luân lý nước Việt đã được đặt căn bản ở nho-học từ bao nhiêu thế kỷ. Các triều Trần, Lê, Nguyễn đã nhờ nho-học mà giữ được *kỷ cương* cho đất nước, mang sự *an cư lạc nghiệp* đến cho dân chúng, đào luyện được *tu cách đạo đức* cho quốc dân.

Học giả Phạm Quỳnh đã viết: "...nước ta sở dĩ sinh tồn được đến nay, từng trải biết bao nhiêu nông nổi gian nan mà không đến lụn bại, cũng là nhờ cái chí đó của mấy mươi đời nho học đã di truyền đến bây giờ." (*Thơ cho người bạn*, Nam Phong Septembre 1919)

Vị đại-thần triều vua Khải-Định, Thân Trọng Huề, viết bài *Cung dịch thánh ý* cũng nhắc rằng xã hội nước Việt lấy đạo Khổng làm cơ sở. (Nam Phong Aout 1921)

Học giả Trần Trọng Kim diễn thuyết ở Việt-Nam Thanh-Niên Hội tại Hà-Nội ngày 22 tháng Mười năm 1922 về Nho-giáo, cũng đã nói rằng: "Nho-giáo đã tạo tác ra cái tinh thần của người mình và đã làm cho nước ta thành được một nước có tiếng văn-hiến ở phương Viễn-đông này..." (Nam Phong Décembre 1922)

Tuy nhiên, học giả Phạm Quỳnh đã tìm ra điểm tệ hại của nền giáo dục theo nho-học ngày xưa như sau: nền giáo dục này đã áp đặt một chế độ khoa cử quá khắt khe khiến đưa đến hậu quả là ngăn trở và mai một không biết bao nhiêu tài năng của nước nhà.

"Chế độ khoa cử là một cái chế độ lung lạc tinh thần người ta bằng một cái học phiến toái, bằng một cách giáo dục thuần trí nhớ, chỉ chú có một cái mục đích, là dạy cho thuộc nhiều chữ sách để đi thi mà thôi. Chế độ đó ở nước Nam này khuếch trương ra thành một cái đại-diễn của quốc-gia, rất thịnh hành, rất long trọng, khiến cho nao nhiêu kẻ thượng-lưu trí-thức trong nước chỉ khuynh hướng cả về một đường đi thi để làm quan, cho là ngoại giả không còn nghề gì xứng đáng nữa, và phàm học vấn chỉ quanh quẩn trong mấy pho kinh truyện, đời ấy sang đời khác bàn đi giải lại, biện nạn chú thích hoài, cho là ngoại giả không còn cái gì đáng nghiên cứu nữa. Chế độ ấy vào trong tay người cầm quyền, hoặc là vua chúa, hoặc là kẻ tiếm-ngịch, kẻ quyền thần, thành một cái lợi khí chính trị rất mạnh để đàn áp kẻ thức giả. (...)

"Nói tóm lại thời cái lối khoa cử của phái nhà Nho thật là tệ hại vô cùng, đem một cái đạo rất cao thượng mà lạm dụng về chính trị, về giáo dục sai lầm."

(*Guơng nước Nhật*, Nam Phong Janvier 1930)

Theo ý kiến của học giả Phạm Quỳnh, hình thức khoa cử nho-học cần phải bãi bỏ thì nay đã bị bãi bỏ, nhưng *tinh-thần nho-học*, căn bản của nước Việt, thì nên giữ. Nước Việt còn tồn tại đến ngày nay, dù trải qua lắm nỗi gian truân và thăng trầm, cũng là nhờ ở cái chí của nho-học. Bản phận của người Việt ngày nay là "phải khôi phục mà kế thiện lấy cái tinh-thần cũ ấy, tức là tinh-thần của nho-học đó".

*Tinh-thần nho-học* đó là gì? "... cái chí về thế-đạo cương-thường (...) cái nghĩa-vụ về xã-hội".

"Nghĩa-vụ ấy phàm làm dân trong một nước, ai cũng có một phần, nhưng nhất là bọn thượng-lưu học-thức lại càng phải nên cẩn-trọng lắm. Ngày nay phàm người nào đã biết trông biết nghĩ cũng từng nhận biết rằng buổi này là buổi giao-thời, về đường chánh-trị, xã-hội, luân-ly, chưa đâu là thành giường-mối gì cả, lòng người lơ-láo, không biết lấy gì làm phương-châm, thành ra một cái xã-hội sốc-nổ tạm-bợ, người nào chỉ biết người nấy, mang-nhiên không hiểu gì đến việc nước việc đời, mà trong cách làm ăn cư-xử có lắm điều thương phong-hóa, hại cương-thường. Vậy đương lúc bây giờ cái trách-nhiệm của bọn thượng-lưu lại càng nặng-nề lắm nữa: phải dùng hết trí-lự mà quan-sát thời-thế, xem khuynh-hướng về đường nào, rồi đem tài ứng-biến mà đối-phó cho hợp thời-cơ, cốt là giữ cho vận nước khỏi suy, lòng dân có định: nói rút lại thời cái trách-nhiệm của bọn thượng-lưu là cái trách-nhiệm người đưa đường chỉ lối cho quốc-dân đương lúc phân-vân do-dự này. Làm cho trọn được cái nghĩa-vụ ấy thật cũng khó lắm thay!"

(*Thơ cho người bạn*, Nam Phong Septembre 1919)

Sống vào buổi giao thoa của hai nền văn hóa Đông Tây, Phạm Quỳnh khuyên những người đi học như sau:

“Anh em ta sinh giữa buổi đời này, cho khỏi phụ công đèn sách, cũng phải lưu-tâm đến việc đương-thời. (...) Lấy cái chí giúp đời của các cụ ngày xưa mà thi-hành vào thời-thế bây giờ, dùng phương-pháp ngày nay mà đạt cái chí-nguyên trăm năm của các cụ, đem học-vấn tư-tưởng mà giúp cho xã-hội quốc-gia; đó là cái phận-sự của bọn mình. Ngày xưa các cụ học là để sửa mình, tề nhà, trị nước; ngày nay mình học cũng phải lấy ba điều đó làm mục-đích. Tuy cái học xưa với cái học nay không giống nhau, mà tôn-chỉ sự học cũng là một, duy phương-pháp để thi-hành cái tôn-chỉ ấy phải tùy thời thay đổi mà thôi.”

(*Thơ cho người bạn*, Nam Phong Septembre 1919)

Như vậy ta thấy đã có thời mục đích của người đi học ở nước Việt là học để giúp nước. Nay quan niệm này cần được phục hồi. Phạm Quỳnh đã chỉ cho người đương thời nhiệm vụ của họ như sau:

“Nay cái học mới này phải tiếp-tục cái học-thống cũ trong nước đã đoạn-tuyệt bấy nhiêu lâu và mở đường cho người mình tiến lên cõi văn-minh tư-tưởng mới; phải chấn-loát tinh-thần, đề-khởi sự-nghiệp, phá những thói mê tục hủ, sửa những nét tốt tính hay, nói tóm lại là làm cái thuốc bổ-não cho dân mình khỏi được cái tật ủy-mị suy-đồi mà đổi thành cái tính cương-cường mãnh-tiến, khiến cho chuộc lại được sự chậm-trễ trong bấy lâu mà bỗng-bột bước lên cho kịp người.

“Bởi thế nên ta gọi là cái học *cứu-quốc*, nghĩa là học để cứu cho nước khỏi suy-đồi mà nên cường-thịnh vậy”.

(*Mừng các ông tân-khoa trường Đại-học*, Nam Phong Juin 1920)

Ý kiến nêu trên của ông chủ-bút Nam Phong đã cho thấy: tuy hình thức khoa cử nho-học đáng bị bãi bỏ nhưng *tinh-thần nho-học* hay là *ý chí chu toàn nghĩa vụ đối với xã hội*, người đi học thời nào cũng vẫn cần phải có.

### 3. Cách-mệnh nho-học

Như trên đã trình bày thì chúng ta thấy rằng nho-học là cơ sở cho xã hội nước Việt và hình thức khoa cử nho-học không hợp lý nhưng *tinh thần nho-học* vẫn đáng nên giữ.

Tuy nhiên, từ khi chính phủ thuộc địa Pháp đặt chính sách giáo dục mới cho nước Việt thì nho-học bị bãi bỏ. Người đương thời không mấy ai thiết tha tìm hiểu nho-học nữa.

Tác giả Trúc Hà khuyên thanh niên chớ nên vội vàng phán xét mà nên tìm lại cái hay trong đạo học của ngày trước. “Một cái đạo đã làm khuôn-mẫu cho các bậc hiền-triết cổ-kim, đã trải qua biết bao những phen biến-đổi mà vẫn còn sống mãi với thời-gian, thì phải có cái nghĩa-lý sâu-xa gì mới được chứ!” (*Nhà nho có lẽ chịu sâu*, Nam Phong Juin 1928)

Theo học giả Phạm Quỳnh, chữ nho (chữ Hán) đương thời không mấy ai học, chỉ còn là thứ tử văn, nhưng đạo nho (đạo Khổng) đã từng gây dựng nên tinh thần người Việt trong cả ngàn năm, không lẽ là cái đạo sai lầm? Nếu đạo ấy sai, có hại cho xã hội thì nên bỏ đi, nếu đạo ấy đúng mà bị hiểu sai thì phải cải chính mà phát huy ra. “Đạo đức ông Khổng, nếu biết phục-hồi lại cái cổ-nghĩa, san bỏ cả những lời biện-nạn phiến-toái của các hậu-nho làm cho sai mất bản-ý đi nhiều, thời ngày nay còn có thể đem ra ứng-dụng được, còn có thể dạy khôn cho người đời trong đạo xử-thế được; (...)” (*Gương nước Nhật*, Nam Phong Janvier 1930)

Muốn phục hồi cái *cổ-nghĩa đạo Khổng* thì trước hết cần tìm hiểu nguyên do nào đã đưa đến những sự hiểu lầm tai hại về đạo Khổng để đến nỗi người đời nay buộc cho nho-học và các nhà nho cái tội làm *mất nước*.

Học giả Phạm Quỳnh đã phân tích tình thế nho-giáo và vai trò của nhà nho ở nước Việt ngày xưa như sau: “Cái tên “nhà nho” không những là để chỉ người biết chữ, học đạo thánh-hiền trong Nho-giáo, lại là chỉ một giai-cấp trong xã-hội, tức là hạng thượng-lưu trí-thức trong nước. Vì xưa kia ngoài nho-học không có cái học nào khác nữa, nên phàm người đi học là học đạo Nho hết cả. Đạo Nho có cái địa-vị độc-tôn, nên hầu thành như một tôn-giáo; mà thực ra cũng chính là cái quốc-giáo của nước Nam từ xưa đến giờ.

“Những người phụng-sự cái quốc-giáo đó, tức là nhà nho. Vậy thời nhà nho là kẻ có học hành, biết chữ nghĩa; nhà nho là bậc thức-giá xã-hội trong nước; nhà nho là tín-đồ của cái tôn-giáo họ Khổng. Về đường xã-hội, về đường chính-trị, về đường trí-thức tinh-thần đều có một cái địa-vị đặc-biệt, đối với một cái chức-vụ đặc-biệt.

“Chức-vụ này cao-quí, có thể gọi là một thiên-chức được, vì là chức-vụ hướng-đạo cho quốc-dân, làm tiêu-biểu cho cả nước. Như trong một bài trước đã nói, xã-hội nước ta chỉ có hai giai-cấp lớn: một hạng bình-dân, là dân quê làm ruộng, một hạng học-thức, tức là nhà nho. Hạng bình-dân coi hạng học-thức là thầy dạy bảo, là người đưa đường, sẵn lòng phục-tòng, không có đố-ky. Hạng học-thức cũng tự nhận cái chức-trách đó, không lạm-dụng, không kiêu-căng, vì coi mình như kẻ giáo-sĩ của đạo Khổng Mạnh, thiên-hạ thờ là thờ đạo, kính là kính đạo, mà nhờ cái dư-oi của tôn-giáo mới khiến cho mình có một địa-vị tôn-trọng vậy. Muốn cho xứng-đáng với địa-vị đó, thời như ông linh-mục tuyên-truyền đạo-giáo, phải đem cái đạo của thánh-hiền, cái học của tiên-nho mà truyền dạy trong dân-gian, đem thân tiêu-biểu cho danh-giáo, hộ-vệ cho đạo-đức. Mà thật thế; nhà nho chân-chính thực là chức linh-mục của đạo Khổng Mạnh. Đạo này là một đạo thông-thường, một đạo nhập-thế, không có gì là siêu-nhiên thần-bí, cho nên những người tuyên-truyền phụng-sự cũng không cần phải phát-nguyện tu-hành gì. (...)

“Danh-giáo là danh-phận giáo-hóa, là cái giòng-môi lớn của xã-hội nước Nam, là cái mục-đích thiết-tha cho sự-nghiệp thân-thế của nhà nho vậy.

“Người nào trong xã-hội cũng có danh-phận của người ấy: làm cha, làm con, làm chồng, làm bạn, làm tôi, làm vua; sửa mình, tề nhà, trị nước, bình thiên-hạ, phận có thấp cao, danh có lớn nhỏ, mà ai ai cũng phải ăn ở làm sao cho xứng danh tròn phận; di-luân là phép cả, dẫu từ trời đất vạn-vật cũng không thể lọt ra ngoài phép-tắc thiên-nhiên. Những phép-tắc ấy, đối với cuộc nhân-sinh, ứng trong vòng nhân-sự, đã do các bậc thánh-hiền đời xưa nghiên-tĩnh đàm-tứ, ngẫm-nghĩ sâu-xa mới phát minh ra, đời đời truyền lại để làm cái gương xử-thế cho người đời. Tiếp lấy những lời giáo-huấn đó, ứng-dụng vào cho mình, rồi truyền-bá ra cho người, ấy cũng là phận sự của người muốn sống làm người một cách có ý-thức. (...)

“Đã hay rằng cái công đề-tạo duy-trì cho quốc-gia là công chung của cả các tiên-dân ta, nhưng nhà nho là cái phần có ý-thức trong quốc-dân, công ấy cũng được một phần to vậy.

“Hoặc-giả nói: Công gây dựng cho nước là công của những bậc anh-hùng hào-kiệt làm nên những sự-nghiệp vĩ-đại vẻ-vang, sử sách còn truyền, đời sau ca-tụng; há phải là công của một lũ thầy đồ dài lưng tốn vải, chỉ biết cả đời gậm chữ nhá vắn, ôn lại những câu sáo cũ của tiền-nhân?

“Vấn biết thế, và cái lòng sùng-thượng anh-hùng bao giờ cũng phải có. Nhưng người anh-hùng không phải là cái món thường ở đời, chính là cái quà quý của trời. Cổ-nhân đã nói muốn gây lên một bậc anh-hùng phải núi sông lao碌 trong bao lâu mới chung đúc được cái khí thiêng. Người anh-hùng chỉ xuất-hiện những buổi nguy-cơ, và cái công đấng-định chỉ là cái công oanh-liệt trong nhất-thời. Cái công duy-trì mới là cái công cần-cù ở hằng ngày vậy.

“Công duy-trì ấy phần nhiều là công của thầy đồ nho vậy.

“Nói đến nhà nho, không thể không nói đến thầy đồ.

“Thầy đồ là cái hình-ảnh thông-thường bình-dị của nhà nho. Vì nhà nho cũng có nhiều hạng. Đại-khái có hạng nhà nho đã hiển-đạt, nghĩa là thi đỗ làm quan, công-nhiên ra trị dân giúp nước; có hạng nhà nho

không thành-công, già đời lao-đào nơi trường-ốc, văn-niên mới xoay ra dạy học, làm thuốc, xem đất; có nhà nho xuất-chính, có nhà nho ẩn-độn. Thân-thể tuy có khác mà tâm-lý thời cũng một. Cho nên ngay trong hạng hiển-đạt, có người làm đến quan to mà khi tuổi già về hưu cũng mở trường dạy học, như một thầy đồ thường vậy. Tuy-nhiên thầy đồ phần nhiều là thuộc về hạng nhà nho không thành-công, không hiển-đạt, số này là số nhiều lắm. Phái nhà nho ví như một đoàn quân-đội, thời quan lớn quan nhỏ, ông công ông nghệ, là hàng tướng-tá, bậc sĩ-quan, còn những thầy đồ vô-danh là hạng quân-lính cả. Trong quân-đội, tướng-sĩ vẫn là cần, mà quân-lính lại là phần quan-hệ lắm nữa. Nhà nho hiển-đạt dường như không phải là nhà nho thuần-túy nữa; nhà nho thuần-túy là nhà nho trọn-tron, không có phẩm-tức danh-vị gì cả. Nhà nho trọn tron thì còn ai bằng thầy đồ quê nữa? (...)

“Thầy đồ là thầy cai thầy đội tinh-thần của đội quân quốc-dân. Đội-quân này mà được nghiêm-trang tề-chính, có thống-hệ, có kỷ-luật, biết giữ nền-nếp trong gia-đình, biết theo lễ-phép của xã-hội, biết trung-quân, biết ái-quốc, biết dốc lòng tín-ngưỡng ở đạo Thánh-hiền, là nhờ ở cái công vô-danh của bọn cai-đội vô-danh đó vậy.

“Nay lại ví xã-hội như một cái trường học lớn: mà xã-hội nước Nam quả là một trường học lớn thật; nước ta tuy không có lệ cưỡng-bách giáo-dục, nhưng có thể nói là hầu hết quốc-dân ai cũng có chí đi học cả, chí đó hoặc vì cảnh-ngộ mà không thể đạt được, nhưng dù người bản-tiện cũng có lòng ham-mê yêu-mến sự học. Cả nước là một cái trường học lớn, trường tự-nhiên, trường thiên-thành, không cần phải Nhà-nước can-thiệp, chẳng có hạn năm, hạn tuổi, hạn ngày, hạn giờ gì cả, cũng chẳng cần phải định chương-trình học-khóa gì hết. Thầy giáo dạy cái trường quốc-dân đó tức là thầy đồ, không phải là người của Nhà-nước, không thuộc vào ngạch nào cả, không có lương-bổng, không bị kiểm-đốc, rất là tự-do, rất là thông-thả, mà “*chấn thiên-uy ư roi mây*”, oai-quyền lắm-liệt, không những lũ trẻ phải khiếp-sợ mà người lớn cũng nể-vì. Suốt trong quốc-dân, ai ai cũng là ở trong tay thầy đồ mà ra cả, thầy đồ dạy cho biết chữ, thầy đồ nặn cho nên người, thầy đồ vỗ lòng cho trước đã, rồi sau có tài mới bay-nhảy lên cao xa mà làm nên công kia nghiệp nọ, hay là bất-tài không có cái khiếu học-hành thì đi cày đi cuốc, làm ruộng làm vườn, quẩy gồng quẩy gánh, đi bán đi buôn, cũng vạch được ba chữ ký, đọc được tên ông vải, biết trọng nhân-nghĩa, giữ lễ-phép, ấy cũng là nhờ thầy đồ phá ngu cho vậy.

“Lại ví xã-hội như một cái giáo-hội lớn, tôn-giáo là đạo Nho, giáo-chủ là ông Khổng, mà giáo-sĩ tức là thầy đồ. Thầy đồ tuyên-truyền cái tôn-giáo học Khổng, đem kinh-thánh truyện-hiền mà truyền dạy cho quốc-dân, thân bổ-y mà nhờ oai-quyền một cái đạo luân-lý cổ của Á-đông rất hợp với nhân-sinh, với quần-chúng, tựa-hồ như có một cái vẻ hào-quang thần-bí vậy.

“Ôi! thầy đồ như vậy chẳng là vẻ-vang lắm dư? Mà một xã-hội có hạng thầy đồ đó, chẳng là cái bảo-chương để giữ-gìn cho được yên-ổn, phòng-ngữ cho khỏi họa-loạn dư? Chẳng là cái bảo-chương vững-vàng bền-chặt dư?

“Cho nên nói rằng duy-trì cho xã-hội, tiêu-biểu cho danh-giáo, hộ-vệ cho phong-hóa, ấy là cái công của nhà nho, và trong bọn nhà nho là cái công của thầy đồ phần nhiều vậy.

“Nay thầy đồ tuy là cái kiêu nhà nho thông-thường trong dân-gian, nhưng nhà nho không phải là thầy đồ hết cả.

“Nếu nhà nho là thầy đồ hết cả thì có lẽ chữa hoàn-toàn xứng-đáng là hạng “*thức-giả xã-hội*” trong nước, là kẻ chủ-trương hướng-đạo cho quốc-dân, vì cái vận-mệnh tinh-thần của một nước không thể ở cả một bọn giáo-sư dạy học, hay một bọn mục-sư truyền-đạo được.

“Ngoài cái công duy-trì, còn có cái công xướng-suất nữa, ngoài cái công bảo-tồn còn có cái công hưng-khởi nữa. Công này cũng là công của nhà nho, nhưng là nhà nho khoát-đạt, nhà nho quán-thông, nhà nho bác-nhã, nhà nho cao-thượng, nhà nho đã qua bậc “*Tiểu-Thừa*” tới bậc “*Đại-Thừa*” vậy.

“Nhà đại-triết-học nước Pháp đời nay là ông Henri Bergson, mới xuất-bản một bộ sách là kết-quả cái sự-nghiệp tư-tưởng của ông trong bốn mươi năm nay, sách đề là “Hai cái nguồn của luân-lý và tôn-giáo” (*Les deux sources de la morale et de la religion*). Ông cho luân-lý có hai thứ: một cái “luân-lý kín” (*morale close*), một cái “luân-lý ngỏ” (*morale ouverte*); tôn-giáo cũng vậy: một cái “tôn-giáo tĩnh” (*religion statique*), một cái “tôn-giáo động” (*religion dynamique*). Cái “luân-lý kín” và cái “tôn-giáo tĩnh” là để duy-trì cho xã-hội có nền-nếp được vững-bền; gọi là “kín”, là vì nó chỉ khu-khu ở trong phép-tắc di-truyền của đời trước, không dám vượt ra ngoài qui-cũ; gọi là “tĩnh”, là vì nó thủ-thành yên-tĩnh, không có phần-khởi hoạt-động. Tôn-giáo ấy, luân-lý ấy không phải là không có công; có công lắm, vì nếu không có luân-lý ấy, tôn-giáo ấy làm bảo-chương thì đoàn-thể đến lìa-tan, xã-hội đến giải-tán. Nhưng nếu xã-hội toàn thuộc luân-lý ấy, tôn-giáo ấy chủ-trương chi-phối, thì tất ngưng-trệ lại, không tiến-hóa lên được, thành ra “hóa-thạch” mà không có sinh hoạt nữa. Cho nên ngoài cái luân-lý kín là cái luân-lý của phần đông, ngoài cái tôn-giáo tĩnh là cái tôn-giáo của số nhiều, cần phải có một cái “luân-lý ngỏ”, một cái “tôn-giáo động” để khiến cho người ta phần-khởi mà tiến lên: gọi là “ngỏ” là vì nó không bí-tắc mà lại khai-thông, thời-thường du-duơng trong cõi tiêu-đao tự-tại; gọi là “động” là vì nó hoạt-bát siêu-việt, muốn dũng-được mà trực-tiếp với cõi thần-bí cao xa. Luân-lý này, tôn-giáo này chỉ là riêng cho một số ít người lỗi-lạc mà thôi, thật là những kẻ hướng-đạo tinh-thần cho cả nhân-quần xã-hội.

“Nay đạo Nho là vừa gồm cả luân-lý, cả tôn-giáo; trong luân-lý vừa gồm cả cái luân-lý kín cùng cái luân-lý ngỏ, trong tôn-giáo vừa gồm cả cái tôn-giáo tĩnh cùng cái tôn-giáo động. Phụng-sự tuyên-truyền cái luân-lý kín, cái tôn-giáo tĩnh, là phận-sự nhà nho “*tiểu-thừa*”, tức là thầy đồ ta vậy. Phụng-sự tuyên-truyền cái luân-lý ngỏ, cái tôn-giáo động, là phận-sự nhà nho “*đại-thừa*”, là những bậc bác-học năng-văn, triết-nhân quân-tử, biết vượt ra ngoài những câu tử-văn trong sách cổ mà đạt cho tới cái chí-đạo của Thánh-hiền.

“Vậy thời thầy đồ chỉ là một nhà nho “*tiểu-thừa*” mà thôi. Cái đạo nho “*hạ-thừa*” đó, cũng như cái luân-lý “*kín*”, cái tôn-giáo “*tĩnh*” của Bergson, là cần-thiết cho quần-chúng, cho nên thầy đồ tuyên-truyền cái đạo ấy là có công với xã-hội. Nhưng nếu cái tâm-lý thầy đồ, cái tinh-thần hạ-thừa mà bành-trướng ra quá, lấn-lấp khắp cả, thời không khỏi làm hẹp mắt nghĩa đạo đi, biến một cái đạo-giáo rất hay thành một mớ phiến-văn trần-hủ, không khỏi ngăn-trở cho sự tiến-hóa chung.”

(*Nhà Nho*, Nam Phong Mai 1932)

Nhờ sự phân tích rành rẽ, Phạm Quỳnh tìm ra được lý do đã khiến cho nho-giáo suy đồi: Cái luân lý “*kín*” đã tràn ngập giới nhà nho đương thời và chính cái tâm lý *huong-nguyệ*n của những nhà nho “*tiểu-thừa*”, “cái tâm lý lễ-nhượng, cẩn-thủ”, quá trọng phần hình thức phép tắc bề ngoài khiến giới nho-học thành ra nhu nhược, hẹp hòi, cố chấp, và điều này đã gây thiệt hại cho đất nước.

Ông đã chỉ trích những kẻ *huong-nguyệ*n như sau:

“*Huong-nguyệ*n là kẻ giả đạo-đức, ngoài mặt làm ra cái thái-độ cung-kính cẩn-nghiêm, mà kỳ-thực sẵn lòng hòa-đồng với lưu-tục, a-dua với kẻ *huong-nhân* bỉ-tiện. *Huong-nguyệ*n chính là thầy đồ quê biển-hiệp, không có nghị-lực, không có khí-khái gì, học đạo thánh-hiền mà hình như học đến đâu chỉ làm cho đạo hẹp đến đó, uốn nghĩa-lý của thánh-hiền cho vừa bằng cái tầm nhân-cách nhỏ-nhen của mình.”

(*Nhà Nho*)

Ông tin tưởng rằng “đạo nho còn dùng được ở đời này, không phải là cái đạo *tiểu-thừa* của phái *huong-nguyệ*n, chính là cái đạo *đại-thừa* của nhà *chân-nho* vậy.”

Do đó, ông đã biện hộ cho đạo nho chân chính và tìm cho nho-học một chỗ đứng trong xã hội ngày nay như sau:

“Như cái thuyết “*nhân, nghĩa, lễ, trí*”, thì thật là giường-mối của đạo-đức luân-lý muôn đời. Đem những vi-ngôn của đạo-nghĩa của *cổ-thánh-hiền* mà phát-huy cái tinh-lý nó bao-hàm ở trong mấy cái

quan-niệm thâm-trầm mầu-nhiệm đó, rồi xét xem cái cách nên ứng-dụng ra đời này thế nào, đó chẳng phải là một việc mà nhà nho nên nhiệt-thành đảm-nhiệm dư?

“Lại như cái thuyết “tu, tề, trị, bình”, há chẳng phải là tiêu-biểu cho một cái lý-tưởng làm người rất thâm-trầm và rất thiết-thực dư? Thuyết này vừa kiêm được cả cái chủ-nghĩa cá-nhân, chủ-nghĩa gia-tộc, chủ-nghĩa quốc-gia, chủ-nghĩa xã-hội, chủ-nghĩa thế-giới, không cái nào mâu-thuẫn với cái nào, hết thấy đều như hiệp-tác với nhau theo một cái trật-tự rất là hợp với lẽ thiên-nhiên vậy.

“Người ta trước hết phải tu-thân, nghĩa là trau-giồi cho nhân-cách mình được hoàn-toàn; ấy là chủ-nghĩa cá-nhân đó. Rồi phải tề-gia, nghĩa là cai-quản trong gia-đình cho có trật-tự, theo cái chế-độ gia-trưởng của Đông-phương; đó là chủ-nghĩa gia-tộc, mà đã hàm có tính-cách chủ-nghĩa xã-hội một đôi chút, vì gia-tộc là một cái tiểu-xã-hội, cũng như hương-đảng là một cái tiểu-triều-đình vậy. Rồi phải trị-quốc, nghĩa là ra tham-dự việc nước, lo cái vận-mệnh chung cho quốc-gia, cho xã-hội; đó là chủ-nghĩa quốc-gia, chủ-nghĩa xã-hội chân-chính. Rồi đến sau cũng phải bình thiên-hạ, nghĩa là mưu sự hòa-bình hạnh-phúc cho cả loài người; đó là chủ-nghĩa thế-giới, hay là chủ-nghĩa quốc-tế, hay là chủ-nghĩa nhân-đạo, hay là chủ-nghĩa bác-ái, danh-từ có khác, nhưng cái tôn-chỉ cũng là một, là muốn cho cả thiên-hạ được yên-ôn sung-sướng, biết thương-yêu giúp-đỡ lẫn nhau, chứ đừng tương-tàn tương-hại nhau nữa.

“Ấy cái đạo Nho đại-thừa nó rộng-rãi sâu-xa như vậy. Ai dám bảo rằng đạo ấy không hợp với thời-đại này? Đạo ấy là đạo thiên-cổ, loài người ta còn sinh-trưởng trên mặt đất này thì đời nào nước nào cũng là thích-hợp.”

Để giúp phát huy chân giá trị của đạo Nho trong xã hội Việt-Nam, ông chủ bút Nam-Phong, Phạm Quỳnh, khuyên nên làm một cuộc cách-mệnh cho nho-học.

“Đem cái đạo Nho đại-thừa ấy mà truyền bá trong quốc-dân, ấy là cái thiên-chức của nhà Nho đương lúc giao-thời này. Nước ta bấy lâu nay đã bị khốn về cái đạo Nho tiểu-thừa của phái hương-nguyên, nay cái căn-bã nó còn lại, ta nên nhất-phiên gột rửa đi cho sạch, mà kíp xướng lên một cuộc cách-mệnh trong Nho-giáo.

“Nho-giáo có do cách-mệnh một lần thì Nho-giáo mới mong sinh-tồn được. Nhà Nho có làm nổi một cuộc cách-mệnh đó thì nhà Nho mới có công với quốc-dân, xứng-đáng với cái lịch-sử vẻ-vang từ trước, xứng-đáng với cái tiền-đồ rực-rỡ sau này.

“Cuộc cách-mệnh đó là phải bãi bỏ cái Nho-học tiểu-thừa, mà đề-xướng cái Nho-học đại-thừa; là phải đả-phá cái tâm-ly hương-nguyên mà đề-tinh cái tâm-ly chân-nho; là phải đem đạo Nho ra mà hòa-đồng với các phong-trào tư-tưởng lớn trong thế-giới, chứ không thể giữ khu-khu trong mấy bộ sách nát của cổ-nhân; là phải làm cho cái tinh-ly thắng cái tử-văn, chứ không để cho cái tử-văn tiêu mất cái tinh-ly; là phải đem ông Khổng ông Mạnh ra mà tiếp chuyện với các hiền-triết Đông Tây, chứ không nên để trong khám thờ u-âm tịch-mịch. Trong cuộc hội-đàm với các bậc đại-trí trong thế-giới đó, ở cái “Hội-nghị bàn tròn” có ông Gia-tô, ông Phật-tổ, ông Lão-tử, ông Socrate, các thầy Bà-la Ân-độ, các nhà triết-học Thái-tây, cái đạo xử-thế của ông Khổng, cái tài hùng-biện của thầy Mạnh vị-tất đã kém ai. Bấy lâu thiên-hạ không biết là vì bị bọn hương-nguyên làm cho đạo thánh-hiền chìm đắm trong một mớ tử-văn phiền-phức. Nay nên kíp-phá những cái thói học trần-hủ ấy đi, mà đem những phương-pháp sáng-sủa hợp-lẽ mà nghiên-cứu các nghĩa-ly của cổ-nhân. Sẽ thấy rằng những nghĩa-ly ấy chưa phải là đã quá cũ đâu, còn có cái tiềm-lực rất mạnh, có thể cảnh-tỉnh được quốc-dân, hoán-cải được phong-tục, mà bổ-cứu được cái tình-trạng khủng-hoảng hỗn-độn ngày nay vậy.” (Nhà Nho)

## CÁC NHO-GIA MỚI TRONG CUỘC CÁCH-MỆNH NHO-HỌC

Tuy không hẹn mà các nhà tân-học và cựu-học cùng gặp nhau trong ý tưởng cải chính và phát huy nho-học.

NGUYỄN BÁ HỌC (1857 – 1921)

Ông là người huyện Thanh-Trì, tỉnh Hà-Đông, đã từng theo nghiệp khoa cử nhưng không thành đạt, về sau học chữ Pháp và quốc-ngữ, được bổ giáo-học Sơn-tây. Ông hưởng ứng phong trào Duy-Tân, dạy quốc-văn ở Đông-Kinh Nghĩa-Thục (1908).

Ông đã đem luân lý nho-học vào trong các truyện ngắn đăng trên báo, soạn ra *Lời khuyên học trò*, gồm 32 bài tản văn, đăng trên Nam Phong từ tháng sáu năm 1919. Phần lớn những bài trong *Lời khuyên học trò* có chủ đích luân lý cá nhân để tu thân rèn tính.

Khổng Tử-Tư trong sách *Trung-Dụng* có bàn về đức tính *Chí-thành*, cho rằng *Chí-thành* là đức tính tốt nhất của loài người, phát huy được *Chí-thành* là giúp công vào sự sinh hóa của trời đất.

Sau đây là bài Chí-thành của nhà giáo Nguyễn Bá Học trong *Lời khuyên học trò* (#22):

“Thành nghĩa là gì? – Nghĩa là thật lòng, không dối mình dối người, không giả nhân giả nghĩa; việc phải dù tính-mệnh cũng không từ, việc phi-nghĩa dù phú-quí cũng không tưởng.

“Đem lòng thành ấy mà ở với cha mẹ thì nên con thảo; đem lòng thành ấy ở với nước nhà thì nên tôi trung; suy ra anh ở với em, vợ ở với chồng, chúng bạn ở với nhau, ở với người đồng-loại, ở với hết mọi loài cũng nên người có nhân có nghĩa, có tín có huệ. Thánh-hiền tiên-phật, cũng bởi cái lòng chí-thành ấy mà nên.

“Những người có tài mà hay khinh-bạc, lời nói vẫn hay việc làm vẫn giỏi, đến khi hoạn-nạn hay đổi lòng, gặp lúc kinh-quyền hay biến-tiết, cũng vì không có chí-thành làm bản-lĩnh.

“Chí-thành cũng có lúc xử-trí, có lúc dụng-mưu. Nếu cứ chắc như đười-ươi, thẳng như ruột ngựa, như thế gọi là ngu-thành, chỉ đủ cho người ta đánh lừa, hay người ta nói dối.

“Người ta thường nói: “Không biết nói dối, không buôn bán được, cứ giữ thật-thà không ra ngoài được”, ấy là lời nói của những người quen giao-lá hàng-chợ. Cho nên người nước ta ở với nhau không có đoàn-thể, ra đến ngoài không có người tin, cũng vì tập-nhiễm những câu hủ-bại ấy mà mới mất hẳn cái đạo chí-thành đi. Người có chí-thành mới là người có giá-trị, như ông tượng-gỗ, vàng son rực rỡ là đồ trang sức bên ngoài; mà thần-minh cảm-ứng là cái chí-thành ở trong. Nếu không có thần-minh cảm-ứng thì có ai thờ chi ông tượng gỗ.” (Nam Phong Juillet 1919)

THÂN TRỌNG HUỆ (1869 – 1925)

Ông người phủ Thừa-Thiên, được đi Pháp học. Khi về nước, được bổ Biên-tu Viện Cơ-mật, từng làm quan ở Trung và Bắc, làm đốc-học Trường Hậu-bổ (1905), Bồi-thẩm Tòa Thượng-thẩm Hà-Nội (19130, được triệu vào kinh (Huế) làm Thượng-thư Bộ Học và Bộ Binh (1921).

Mặc dù theo Tây-học nhưng ông cho rằng đạo Khổng là căn bản luân lý xã hội Việt-Nam nên ông đã bàn về *Trung* và *Hiếu* trong bài *Cung dịch thánh ý* (Nam Phong Aout 1921).

“Theo ý riêng tôi thì xã-hội nước ta lấy đạo Đức Khổng-tử làm cơ-sở, mà đạo Đức Khổng-tử lấy lễ-nhạc làm tôn-chỉ gốc, vậy thì lễ-nhạc là tôn-chỉ gốc của xã-hội nước ta.

“Lễ-nhạc là hai tôn-chỉ chớ không phải hai chữ thường như chữ khác; nhưng mà người đời ít kẻ hiểu hai tôn-chỉ ấy, tưởng lễ là cúng-tế, nhạc là trống kèn; chẳng những người bây giờ ít kẻ hiểu hai tôn-chỉ ấy, chính người đồng-thời với Đức Khổng-tử cũng ít kẻ hiểu hai tôn-chỉ ấy, cho nên Đức Khổng-tử tức giận mà



than rằng: “*Khi người ta nói rằng lễ, khi người ta nói rằng lễ, có phải nói ngọc với lụa vậy thay! Khi người ta nói rằng nhạc, khi người ta nói rằng nhạc, có phải nói chuông với trống vậy thay!*”

“Lễ là trật-tự (ordre), nhạc là điều-hòa (harmonie), ở trong vũ-trụ chỗ nào cũng có lễ-nhạc, nơi nào cũng có lễ-nhạc, nghĩa là chỗ nào cũng có trật-tự điều-hòa, nơi nào cũng có trật-tự điều-hòa, nếu không như vậy, thì sự sinh-tồn không thể có được.

“Hết xuân đến hạ, hết thu sang đông, là lễ-nhạc, tức là trật-tự điều-hòa ở trong trời đất; nhờ có thế mà muôn vật mới phát-sinh được. Nếu xuân hành hạ lệnh, thu hành đông lệnh, thì thiên-khí quai-hòa, mà muôn vật cũng vì đó mà đau mà chết.

“*Vua làm nghĩa-vụ của vua, tôi làm nghĩa-vụ của tôi*” là lễ-nhạc, tức là trật-tự điều-hòa ở trong nước; “*cha làm nghĩa-vụ của cha, con làm nghĩa-vụ của con*” là lễ-nhạc, tức là trật-tự điều-hòa ở trong nhà. Khi vua Cảnh-công nước Tề nghe Đức Khổng-tử nói mấy lời ấy bèn than rằng: “*Nếu vua không làm nghĩa-vụ của vua, tôi không làm nghĩa-vụ của tôi, cha không làm nghĩa-vụ của cha, con không làm nghĩa-vụ của con, tuy có lúa chúng ta há được ăn ru!*” Bởi vì vua không làm nghĩa-vụ của vua, tôi không làm nghĩa-vụ của tôi, thì trong nước không lễ-nhạc, hay là không trật-tự điều-hòa, nghĩa là nước loạn; cha không làm nghĩa-vụ của cha, con không làm nghĩa-vụ của con, thì trong nhà không lễ-nhạc, hay là không trật-tự điều-hòa, nghĩa là nhà loạn; nước loạn nhà loạn, thì tất phải tự-vong, cho nên nói rằng: “*Tuy có lúa, chúng ta há được ăn ru!*”

“Muốn giữ gìn lễ-nhạc, hay là trật-tự điều-hòa ở trong nước, thì phải tu lòng trung; muốn giữ-gìn lễ-nhạc hay là trật-tự điều-hòa ở trong nhà, thì phải tu lòng hiếu. Trung hiếu là hai cái linh-phù để giữ-gìn trật-tự điều-hòa trong nước trong nhà vậy.

“*Trung ư quân*”, không phải là làm cho vua vui lòng riêng, mà phải lo cho nước càng ngày càng thịnh-vượng; “*hiếu ư thân*”, không phải làm cho cha mẹ vui lòng một lúc, mà phải lo cho việc nhà càng ngày càng quang-xương; nhưng mà xưa nay nhiều người hiểu sai cái nghĩa ấy, có kẻ muốn vui lòng vua, tìm cách phùng-ngheñh, có kẻ sợ phiền lòng vua, không dám can-ngãñ, để cho việc nước phải đòi-bại; có kẻ chỉ biết ở gần cha mẹ, sớm khuya phụng-duỡng là trọn phận làm con; những người hiểu hai chữ trung hiếu như vậy là hiểu một cách hẹp-hòi; hiện bây giờ cũng có người tưởng rằng đến cửa vua mà cúi đầu vòng tay là tận-trung, kỵ giỗ cha mẹ mà có mâm cao cỗ đầy là tận-hiếu. Trung hiếu như vậy thì dễ làm lắm, trẻ con làm cũng được! Phải hiểu rằng vua vui lòng chỉ bằng thấy việc nước càng ngày càng thịnh-vượng; cha mẹ vui lòng chỉ bằng thấy việc nhà càng ngày quang-xương. Ai muốn tu lòng trung thì phải tìm cách mà làm cho nước thịnh-vượng, và phải gây-dựng nhân-tài để ngày sau giúp nước cho sự thịnh-vượng càng ngày càng thêm; ai muốn tu lòng hiếu thì phải lo việc nhà cho quang-xương, và phải nuôi dạy con cháu để ngày sau việc nhà cứ quang-xương mãi. Trung hiếu là một lá cờ để dẫn nước nhà lên đường tấn-bộ, nhưng mà sự đi tới ấy phải có lễ-nhạc, nghĩa là phải có trật-tự điều-hòa, cũng như một toán binh đi tới có thứ-tự và theo nhịp kèn”.

*Trung* và *Hiếu* là hai ý niệm phát xuất từ nho-học, có ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống xã hội và gia đình Việt-Nam. Biết bao nhiêu sinh hoạt của cá nhân đã chịu sự chi phối của hai ý niệm ấy.

Trong quá khứ, chữ *Trung* đã từng bị lạm dụng để phụng sự cá nhân người làm vua thay vì phụng sự đất nước, chữ *Hiếu* đã được truyền dạy sai lạc, giam hãm cá nhân người làm con vào trong những hình thức luân lý cổ chấp, nhiều khi không hợp lý, thay vì giúp cá nhân người làm con đạt đến đức *Nhân*.

Trong bài *Cung dịch thánh ý*, Thượng-thư Thân Trọng Huệ đã chỉ cho chúng ta thấy phải nên quan niệm về *Trung* và *Hiếu* như thế nào.

Ông còn viết nhiều bài trên các báo Đông-Dương tạp-chí, Nam-Phong tạp-chí, ... đặc biệt có bài luận-thuyết: *Con đường tiến bộ của nước ta* (Nam Phong Mars 1918) trong đó ông bàn xét những yếu tố nào có thể giúp Việt-Nam tiến bộ. Trong bốn yếu tố mà ông đề cập đến: *ngộ lực người dân, đất hoa màu,*

*công nghệ thịnh vượng, giao thông tiện lợi*, thì ông cho rằng yếu tố nghị lực quan trọng nhất. Muốn sử dụng nghị lực ấy thì phải biết cách tổ chức mà quan trọng nhất là cách tổ chức việc giáo dục cho cả nam lẫn nữ, giáo dục phổ thông và giáo dục nhân tài.

PHAN CHU TRINH (1872 – 1926)

Ông là nhà nho, đã từng thi đỗ phó-bảng nhưng cũng chính ông là người cổ động việc bãi bỏ khoa cử nho-học.

Trong buổi diễn thuyết của ông tại nhà Hội Việt-Nam ở Sài Gòn – đêm 19-11-1925 - về *Đạo Đức và Luân Lý Đông Tây*, ông đã nhận xét rằng “vì học đạo Khổng Mạnh một cách lảm lạp như thế cho nên hơn nghìn năm nay hết thầy những nước theo đạo tà nhỏ đều yếu hèn và phải mất một cách rất nhục nhã.”

Ông đã làm sáng tỏ học thuyết Khổng Mạnh và so sánh học thuyết này với các thể chế chính trị đời nay như sau:

“Đạo Khổng Mạnh không phải là cách chuyên chế của các nhà vua mà anh em đã mộng tưởng đâu. Đạo Khổng Mạnh dạy quân dân tịnh trọng (vua dân đều trọng) và rất bình đẳng; vua và dân đều cần có đạo đức luân lý, nghĩa là dân phải kính trọng vua như cha mẹ mà vua cũng phải suy lòng đó yêu dấu dân như con đò vậy.

“Trong sách Đại-Học thầy Tăng Sâm dẫn lời đức Khổng rằng: ‘*Tự thiên tử dĩ chí u thứ dân nhất thị giai dĩ tu thân vi bản*’. Từ vua cho đến dân đều phải lấy việc sửa mình làm gốc. Sửa mình là việc lớn mà đức Khổng-tử buộc dân và vua đều phải như thế, chẳng là bình đẳng lắm ru? Cái chính thể ấy bên Âu-châu thực-hành đã lâu rồi, nghĩa là cái chính thể Quân-dân cộng-trị mà Tàu dịch ra là Quân-chủ lập-hiến.

“Hiện nay có nước Anh, nước Bỉ và nước Nhật đang theo chính thể ấy. Dân trí hai nước trên đã tiến tới nhiều, cho nên quyền vua cũng đã giảm bớt nhưng dân vẫn thương vua mà vua cũng yêu dân. Nước Nhật thì còn kém thua nhưng đã theo chính thể lập hiến thì trước sau rồi cũng tới nơi vậy.

“Đến thời ông Mạnh, các vua chư hầu chuyên chế thái quá thì ông lại xướng lên cái chủ nghĩa dân chủ. Như ông nói rằng: ‘*Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh*.’ Nghĩa là dân quý hơn hết, đất cát thứ nhì, vua là khinh. Ngày nay bên Pháp, bên Đức, bên Nga tuy chính thể của họ có khác nhau chút đỉnh nhưng cũng đều thực hành cái chủ nghĩa dân chủ cả. Thế thì cái văn minh Âu-châu bây giờ có trái gì với đạo Khổng Mạnh đâu.

Ông khuyên chúng ta nên trở về với đạo đức cũ như sau:

“Tôi nói đạo đức cũ không phải là con phải làm tôi mọi cho cha, vợ phải làm tôi mọi cho chồng, tôi phải làm tôi mọi cho vua đâu, mà chính là cái đạo đức trung dung của Khổng Mạnh, đem dùng vào đời nào nước nào cũng được, không cổ không kim, không đông, không tây, như tôi đã nói đó vậy. Đạo ấy ở trong những câu: *Sĩ khả sát, bất khả phục, Phú quý bất năng dâm, Bần tiện bất năng di, Uy vũ bất năng khuất, Thử vị chi đại trượng phu*, v.v...”

PHAN BỘI CHÂU (1867 – 1940)

Trong phần mở đầu sách *Khổng Học Đẳng* (1929), Phan Bội Châu có viết rằng:

“*Ta là Khổng-tử, ta là Mạnh-tử, ta là Platon, ta là Emmanuel Kant, chẳng qua đời tuy có xưa nay, đất tuy có đông tây, mà tâm lý in như nhau, thánh hiền tức là ta, ta tức là thánh hiền; ta chỉ là người hậu tiến của cổ nhân mà thôi.*”

Đọc câu đó, chúng ta thấy được cái tính không phục tùng, không nô lệ cổ nhân – mà là người hậu tiến của cổ nhân – đã khiến ông có thể đạt đạo thánh hiền chứ không bị trói buộc trong cái hình thức chặt hẹp

của các nhà nho hương-nguyên. Quan niệm phục tùng, được xem như là kết quả của luân-lý nho-học, đã được ông giải thích lại cho xác đáng như sau.

“Tôi xin tóm tắt lại, xưa ông thánh nói rằng: phụ phụ, tử tử, phu phu, phụ phụ nghĩa là cha phải hiệp đạo làm cha, con phải hiệp đạo làm con, chồng phải hiệp đạo làm chồng, vợ phải hiệp đạo làm vợ. Mà cũng có nghĩa là: cha phải có nghĩa vụ làm cha, con phải có nghĩa vụ làm con, chồng phải có nghĩa vụ làm chồng, vợ phải có nghĩa vụ làm vợ. Nói tóm lại: cha có nên cha thì con mới nên con, chồng có nên vợ thì vợ mới nên vợ. Mấy câu ấy thiệt là cái gương cho sự phục tùng đó vậy. Vậy nên chúng ta phải biết: phục tùng về đạo đức thì phục tùng là thánh nhân, phục tùng về oai quyền thì phục tùng là trâu ngựa. Điều gì phải lẽ mà không phục tùng vẫn là người dở, điều gì trái lẽ mà cứ phục tùng thì cũng không phải là người hay, ấy là luân lý Đông phương người ta cũng không có thể tai mà thay óc được vậy”.

#### NGUYỄN HỮU TIẾN (1875 – 1941)

Ông xuất thân từ gia đình nho-học. Tuy ông chỉ đậu tú-tài nhưng với vốn Hán-văn dồi dào và sức học thâm thúy ông đã dịch nhiều sách chữ Hán ra quốc-ngữ và cho chúng ta biết đầy đủ về mọi phương diện văn hóa của Trung-Hoa, từ lịch sử, phong tục, văn học đến học thuyết, triết lý, danh nho, và hai bản văn cổ Trung-Hoa là *Luận-ngữ* và *Mạnh-tử*. Đây là hai bản văn quan trọng trong *Tứ Kinh* mà các nhà văn Việt-Nam đã dùng để học trong nền giáo dục nho-học.

Vũ Ngọc Phan đã nhận định về sự đóng góp cho công ích của Nguyễn Hữu Tiến như sau:

“Như vậy, những bài biên tập và dịch thuật của Nguyễn Hữu Tiến thật rất nhiều và rất công phu; nếu những bài ấy thu góp lại, sẽ là những bộ sách giáo khoa có giá trị về văn minh học thuật Đông phương. Trong lúc Hán học tàn cục này, những sách của ông lại càng quý lắm, vì chỉ trong vài mươi năm nữa là không có người làm nổi được những việc như ông đã làm.” (*Nhà Văn Hiện Đại*)

#### NGUYỄN AN NINH (1899 – 1943)

Thân phụ ông là Nguyễn An Khương đã từng hoạt động tích cực trong phong trào Đông-du và Đông-kinh Nghĩa-thục. Ông được cha và cô dạy chữ nho, chữ quốc-ngữ và chữ Pháp. Năm 1918, ông xin cha sang Pháp du-học. Cha ông bảo rằng: “Những người đi học bên Pháp về thường chỉ lo vinh thân phì gia, ăn chơi thỏa thích, cha không muốn cho con như vậy.”

Ông xin hứa sẽ không bao giờ quên tổ-quốc. Sau đó ông được thân phụ đồng ý và cấp tiền cho ông đi Pháp du-học.

Trong lần diễn thuyết ở Khuyến-học-hội Sài-Gòn, đêm 15 tháng Mười năm 1923, ông đã đọc bài *Cao vọng thanh niên*, trong đó có đề cập đến *Trung thứ* trong đạo Khổng như sau:

“Cái ý của ông Khổng, nếu hiểu nó cho tận, thì con người ra cao rộng. Vì đạo của ông Khổng là buộc mình; mà ông Khổng khởi đầu buộc kẻ muốn hiểu đạo của ông Khổng, kẻ muốn tới cái đạo của ông Khổng, kẻ muốn cái đạo của ông Khổng, trước hết phải “*tìm cho ra nguồn gốc muôn việc làm của con người*”, phải hiểu. Như vậy sự công bình của ông Khổng là ở nơi hiểu mà ra, chớ chẳng là do theo từ câu, từ chữ trong Tứ thư, Ngũ kinh mà cứ xử người như các quan tòa do theo y luật mà xử vậy. Hiểu trước rồi sẽ xử người. Xét cho tận rồi sẽ xử người. Thì tự nhiên rõ thấy rằng chỉ còn cái rộng, cái dung thứ thôi. Như vậy thì con người buộc người ít hơn buộc mình, chỉ còn biết buộc mình mà thôi. Vì vậy mới ra cái “*Trung, Thứ*” là cái gốc của kẻ muốn làm người theo như ông Khổng dạy; Trung, để buộc mình, Thứ, để đối với người.”

### DƯƠNG BÁ TRẠC (1884 – 1944)

Ông có biệt hiệu Tuyết-Huy, đỗ cử-nhân năm 16 tuổi. Ông tham gia Đông-Kinh Nghĩa-thục, trong bạn tu-thư soạn sách. Khi Đông-Kinh Nghĩa-thục bị đóng cửa, ông được chính phủ Pháp bổ ông đi tri huyện nhưng ông từ chối.

Vì các biến cố bạo động trong nước, ông bị đày đi Côn-đảo. Khi được tha về, ông bị cưỡng bách lưu trú ở Long-Xuyên (Nam-kỳ).

Năm 1944, ông phải lánh đi Singapore cùng với ông Trần Trọng Kim. Trong thời gian ở đây ông đau nặng rồi mất.

Ông từng viết bài đăng trên các báo Nam-Phong Tạp-chí, Trung-Bắc Tân-văn, ... về các vấn đề liên quan đến việc học. Ông đã trình bày *Chức trách sĩ lưu trong xã hội ta ngày nay (Tiếng Gọi Đàn)* để nhắc nhở kẻ sĩ đương thời dẫu nho-học đã tàn cũng vẫn nên giữ chí hướng của kẻ sĩ mà đóng góp cho xã hội.

### PHẠM QUỲNH (1892 – 1945)

Ông học Trường Bảo-hộ, thi đỗ cao-đẳng tiểu-học rồi làm việc tại Pháp-quốc Viễn-đông Bác-cổ Học-viện (Ecole Francaise d'Extrême-Orient). Năm 1917, ông làm chủ-bút Nam-Phong Tạp-chí.

Ông chỉ nhờ tự học, đọc rất nhiều sách mà tổng hợp được những tư tưởng đặc sắc cho học thuật nước ta. Chính ông là người đã nêu ra chữ “cách-mệnh nho-học” để cải chính và phát huy các giá trị của nho-học.

### TRẦN TRỌNG KIM (1883 – 1953)

Khi còn nhỏ, ông học chữ nho, sau theo học chữ Pháp, rồi vào Trường Thông-ngôn Hà-Nội.

Năm 1906, nhân sang Pháp dự hội chợ cùng với ông Nguyễn Văn Vĩnh, ông ở lại và xin vào học khoa Sư-phạm tại Trường Thuộc-địa.

Khi về nước, ông dạy học tại Trường Sĩ-hoạn, Trường Bảo-hộ và Trường Sư-phạm Hà-Nội. Sau đó, ông được bổ làm Thanh-tra Tiểu-học, Trưởng-ban soạn thảo sách giáo khoa Tiểu-học rồi Giám-đốc các trường Tiểu-học Hà-Nội.

Ông đã vẽ lại “bản-đồ Nho-giáo” cho hậu thế Việt-Nam. Nhờ quyển sách biên khảo về Nho-giáo của ông mà chúng ta mới biết rõ nguồn gốc và diễn tiến lịch sử Nho-giáo. Sách có thể giúp chúng ta tìm ra những sự thay đổi cũng như ảnh hưởng của Nho-giáo khi sang đến Việt-Nam.

Cái khéo nhất của ông là đã trình bày luân-lý nho-học một cách giản dị cho hợp với trình độ hiểu biết phổ thông của dân chúng thời đó, vào một thời mà nho-học đã tàn. Ảnh hưởng của một số bài trong bộ sách Giáo-khoa-thư – do ông cùng soạn với các ông Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc, Đỗ Thận – còn được nhận thấy trong những thế hệ về sau.

\*

Các nhà nho kể trên, mỗi người tùy tài tùy thời, khi thì dùng tài văn chương khi thì biểu chương bằng tư cách, chính họ đã thể hiện  *tinh-thần nho-học*  bằng những cách sau đây:

- tự mang lấy trách nhiệm đối với quốc dân và đất nước
- hướng đạo quần chúng
- truyền bá những điều hay lẽ phải để chấn hưng tinh thần người mình
- phục hồi nền tảng xã hội nước ta bằng cổ nghĩa Khổng Mạnh.

#### 4. Điều hòa hai nền văn hóa Đông Tây

Từ khi người Pháp đến Việt-Nam, sự du nhập của văn hóa Tây-phương đã gây ra những sự xung khắc giữa văn minh khoa học Tây-phương với truyền thống cổ hữu của dân tộc. Những tập quán, sinh hoạt từ xưa vẫn theo khuôn mẫu nho-học dần dần bị thay đổi bởi các thể hệ hấp thụ tân-học. Tuy nhiên, sự thay đổi này gây ra những sự xung đột trong xã hội khiến cho nhiều người hoang mang, bối rối, không biết đặt mình theo hướng nào.

Trông thấy tình cảnh ấy, các nhà trí thức đương thời đã phải cấp kỳ đi tìm phương thức hóa giải cho sự xung khắc của hai nền văn hóa Đông Tây.

##### a/ Phương thức hóa giải

Phạm Quỳnh đưa ý kiến là “Muốn điều-hòa, phải tham-bác cả đôi bên, nghiên-ngẫm cho thâm-thúy, rồi mới châm-chước cho vừa phải.” (*Nam-Phong Tạp-chí*, Juin 1924)

Trong thời buổi hiện đại, người nào mà chỉ biết có một nền học thức, một nền văn hóa thì người ấy dễ bị thiên kiến che lấp.

Nếu chúng ta tìm hiểu giá trị thực sự của mỗi nền văn hóa, tất chúng ta sẽ khám phá ra được nhiều điều hay mà bỏ tức cho nhau. Phạm Quỳnh đã so sánh hai nền học thuật Đông-phương và Tây-phương để chúng ta thấy rằng mỗi sự học có phần ứng dụng riêng, nhưng hợp lại thì cùng đóng góp cho sự tiến bộ của xã hội.

Trước hết, chúng ta phải hiểu tính chất Á-đông của văn hóa mình. Nhờ trí phán đoán sáng suốt, ta mới biết cái hay cái dở của người mình để lựa chọn. Vậy thì phương thuốc hóa giải sự xung khắc của hai nền văn hóa lại là sự pha trộn của cả hai.

“Nếu học cho đến tinh-thần thời ví như làm nhà: học cũ là nền tảng, mà học mới là tài-liệu; hai bên vẫn có thể giùm cho nhau làm nên một tòa nhà hoa mỹ. Chẳng bao giờ không tài-liệu mà làm nên nhà; và cần thứ nhất là chẳng bao giờ không nền tảng mà dựng được nhà.” (*Khổng-học-đăng*, Phan Bội Châu)

“... trong buổi này, người học thức Á-đông phải có ít nữa là hai cái nền học thức nó nuôi trí thức mình mới có thể là đủ được, là một nền học thức Á-đông và một nền học thức Âu-Tây.” (*Cao-vọng của bọn thanh-niên An-Nam*, Nguyễn An Ninh, 1923)

Tuy nhiên chúng ta đừng vội mừng khi vừa thấy có phương thuốc hóa giải chữa bệnh xung khắc vì Phạm Quỳnh nhắc chúng ta rằng:

“Song nói dễ mà làm khó, văn-minh không phải là vị thuốc, có thể cứ đồng cân mà hòa lấy cho đúng liều được. Văn-minh là một vật không hình-thể, không trọng-lượng; văn-minh là thuộc về tinh-thần vậy.”

(*Bàn phiếm về văn hóa Đông Tây*, 1924)

Việc điều hòa hai nền văn hóa Đông Tây là một trách nhiệm khó khăn và lớn lao đòi hỏi những người có kiến thức đủ rộng về cả hai nền văn hóa, trí phán đoán đủ sâu để có thể phân biệt điều hay dở và có chí hướng cao thượng muốn chấn chỉnh tinh thần của nòi giống.

Những người đó sẽ là giới “thượng-lưu mới, biết điều-hòa cả tân-hóa với cổ-điển, vừa quả quyết theo cái phương-pháp khoa-học mới, vừa trân-trọng giữ những cốt-cách tinh-thần cũ, đã tạo thành ra chúng ta bây giờ.” (*Nước Nam năm mươi năm nữa thế nào*, Nam-Phong Tạp-chí Septembre 1930)

##### b/ Du học

Dưới triều vua Dục-tông (Tự-đức), Nguyễn Trường Tộ du học ở Pháp về dâng lên vua các bản điều trần trong đó có nói đến vấn đề du học.

Đầu thế kỷ XX, phong trào Đông-du lôi cuốn được một số đông học sinh sang Nhật học nhưng chương trình chỉ được một hai năm rồi bị gián đoạn vì lý do chính trị.

Khi nền giáo dục Pháp bắt đầu có ảnh hưởng ở Việt-Nam thì số người du học sang Pháp tăng lên. Nhà nào có con du học thành tài trở về thường lấy làm hãnh diện, cho đó là một sự vẻ vang hơn cả tiền nhân đồ tiến-sĩ vinh qui về làng vậy.

Nguyễn Trọng Thuật đã thuật lại hoàn cảnh du học thời ấy như sau:

“Các thanh-niên tuấn-tú của ta lại lục-tục sang du-học bên Pháp cũng đã được số đông, thì ai mà không lấy làm mừng rỡ, lấy làm ý-vọng. Cho nên nhà nào không đủ thì các hội học giúp thêm tư-lương, lúc đi bè-bạn chúc, lúc đỗ về các báo mừng và các hội hoan-nghênh mở tiệc. So với cái lối hàng tổng hàng huyện đi rước cờ biển của ông Nghè ông Trạng hư-văn như ngày xưa còn chân-tình mà vinh-quang hơn nhiều. Nghĩa là ngày xưa là bởi quốc-lệ bắt-buộc, mà ngày nay là bởi hi-vọng chung xui ra.”

(*Cùng ai trong bạn Tây-học*, Nam-Phong Tạp-chí Mars 1933)

Sự hi vọng của người trong nước đối với các du-học-sinh rất lớn vì nhiều người nghĩ rằng người đi du-học sẽ đem kiến thức về để xây dựng đất nước, phát triển cho đất nước được phú cường.

Phan Khôi nhắc nhở rằng kết quả sự du-học như thế nào tùy thuộc phần lớn vào việc chuẩn bị kiến thức cho người học sinh trước khi lên đường du-học.

“Người ta trước khi muốn thâm-thập tinh-hoa của một văn-hóa khác để bồi-bổ cho vốn văn-hóa sẵn có của mình, thì phải hiểu văn-hóa của mình thật kỹ đã. Cũng như trước khi sửa căn nhà cũ, phải xem xét rõ căn nhà để biết chỗ nào nên sửa chỗ nào nên để.

“Từ nhỏ, phải học cho biết địa-dư, sử-ký, phong-tục, chế-độ của nước mình từ xưa đến nay; sau đó lên đến đại-học mới xuất-dương. Khi du-học, mới so-sánh những điều đã học ở nước nhà để biết điều hơn kém lợi hại.” (*Phụ nữ Tân văn*, 1932)

Nguyễn Trọng Thuật đã chỉ cho thấy cái kinh nghiệm của Nhật và Trung-Hoa là những nước đã có kinh nghiệm về vấn đề du-học trước Việt-Nam. Hai nước này đã gửi những người có kiến thức về văn hóa xứ họ để sau khi du học xong họ sẽ phiên dịch, trước tác và nghị luận những điều hay dở cho đồng bào của họ.

Do đó, Nguyễn Trọng Thuật đã khẳng định mục đích của sự du-học như sau:

“Phàm nước nào đã có người chịu được một cái học gì ở nước ngoài mà người ấy có truyền-thụ lại cho đất nước xứ-sở mình được, thì mới gọi là học có sở-đắc cho nước nhà. Cái đời học-vấn của người ấy mới là bất-hủ, mà xã-hội giống-nòi mới đáng mong-mỏi ước-áo. Bằng không thì dù đến trăm nghìn năm, ức triệu người, cứ đi cầu học khắp bốn phương, chẳng qua cũng chỉ là vì cái kế riêng nhất-thời của một mình, chứ có sở-đắc gì cho xứ-sở. Mà như thế thì nước ấy cũng không gọi là đã có người đi du-học rồi vậy.”